

## ĐẦU TƯ VÀO GIÁO DỤC CHO CON CÁI (*Qua nghiên cứu trường hợp xã Trịnh Xá, Bình Lục, Hà Nam*)

HÀ THỊ MINH KHƯƠNG\*

### 1. Giới thiệu

Theo Báo cáo giám sát toàn cầu về giáo dục cho mọi người năm 2008 của UNESCO thì gánh nặng tài chính cho giáo dục đối với các hộ gia đình đã được chỉ ra là đáng kể ở nhiều quốc gia. Các hộ gia đình phải đóng góp đáng kể cho giáo dục con em và vì thế hạn chế khả năng tiếp cận giáo dục của các hộ nghèo nhất. Ở Việt Nam, mặc dù có những quy định thực hiện giáo dục tiểu học miễn phí, hầu hết trẻ em tại các trường công vẫn phải đóng một số loại chi phí (đồng phục, thiết bị, đóng góp hội cha mẹ học sinh, chi phí cải thiện trang thiết bị trường học), chỉ có 16/94 quốc gia hoàn toàn không thu bất cứ loại phí nào tại bậc tiểu học). Những chi phí này có thể chiếm tới 1/3 thu nhập của hộ gia đình, trở thành gánh nặng của gia đình nghèo nhất.

Điều này cho thấy sự cần thiết cần xem xét việc đầu tư vào giáo dục cho con cái từ hộ gia đình. Nghiên cứu về đầu tư vào giáo dục cho con cái sẽ góp phần nhận diện được vai trò của gia đình trong việc duy trì việc học của trẻ em, nhất là ở vùng nông thôn. Mặt khác, với nhiều bằng chứng cho thấy tâm lý của nhiều bậc cha mẹ ở nông thôn luôn kỳ vọng con cái có học vấn cao để thoát ly nông nghiệp và có cuộc sống tốt hơn. Vậy cha mẹ đã làm gì để giúp con cái đạt được học vấn mong muốn, hay nói cách khác người dân ở vùng nông thôn hiện nay đầu tư như thế nào cho việc đi học của con.

### 2. Kết quả nghiên cứu

#### 2.1. Tình hình đi học và mong đợi học vấn của cha mẹ

##### *Về tình hình đi học của con cái trong hộ gia đình*

Trong mẫu nghiên cứu này có 70 người trả lời cho biết hiện đang có con/cháu đã bỏ học 54,3% có 1 con bỏ học; 22,9% có 2 con bỏ học; 14,3% có 3 con bỏ học; 4 con nghỉ học là 1,4% và 5 con là 7,1%. Nguyên nhân nghỉ học của đứa con bỏ học gần đây nhất, đối với con trai là: Chỉ có 6/39 người cho biết con trai nghỉ học vì lý do kinh tế; 7/39 người cho biết con trai không muốn học; 18/39 nghỉ học vì học lực kém và 13/39 cho biết lý do nghỉ học vì không thi đỗ. Đối với con gái: Chỉ có 12/41 người có biết con gái nghỉ học vì lý do kinh tế; 8/41 người cho biết con gái không muốn học; 18/41 nghỉ học vì học lực kém và 12/41 cho biết lý do nghỉ học vì không thi đỗ.

Các ý kiến thu được từ phỏng vấn sâu cũng cho thấy hiện nay rất ít trẻ bỏ học. Chủ yếu là bỏ học ở cấp III lý do sức học kém nên không thi đỗ hoặc là vì lý do kinh tế. Trong trường hợp này đối với các gia đình hộ nghèo, có hai loại. Một là không tiếp tục cho con theo đuổi học cao lên; Hai là tiếp tục theo đuổi cho con đi học bằng cách vay vốn để cho

---

\* *Ths, Viện Gia đình và Giới*

con học đến khi thi đỗ.

*“Con trai lớn học hết lớp 9 nhưng do lực học kém, không đáp ứng được kiến thức nên đã nghỉ học. Mặc dù gia đình đã hết sức tạo mọi điều kiện như: dành thời gian học, tạo điều kiện đi học thêm. Cháu không đủ điểm vào dân lập nên tự nghỉ học” (Nam, hộ dưới trung bình, có 1 con bỏ học).*

Đánh giá về tình hình đi học của trẻ em ở địa phương so với 5 năm trước đây, một giáo viên cho biết đã có nhiều thay đổi. Đó là: việc đi học của trẻ em sự quan tâm nhiều hơn, biểu hiện như về mặt thời gian tạo điều kiện cho trẻ học nhiều hơn như tham gia hoạt động ngoại khóa. Trước đây ít tham gia vì kinh tế khó khăn thì trẻ em phải dành nhiều thời gian để phụ giúp gia đình. Bây giờ do nhận thức của người dân tốt hơn. Giáo dục con cái bắt đầu quan tâm hơn. Trước kia đây tỷ lệ con cái ít học hơn, nhưng bây giờ họ thấy nhiều người đỗ đạt, kinh nghiệm, những người có khả năng trưởng thành hơn, có tương lai hơn.

### ***Mong đợi của cha mẹ đối với học vấn của con***

Các thông tin về mong đợi của cha mẹ đối với con trai và con gái cho thấy: 43% trong tổng số 193 người mong trai sau này làm cán bộ, viên chức, 28% thoát ly nghề khác; 19,2% làm công nhân và 0,5% thoát ly buôn bán. Tỷ lệ mong muốn con trai làm ruộng tại địa phương là chỉ chiếm 1,6%, buôn bán tại địa phương là 1% và nghề khác tại địa phương là 6,7%. Còn đối với con gái, có tới 50,3% trong tổng số 175 người cho biết mong con gái sau này làm cán bộ, viên chức, 21,7% thoát ly nghề khác; 15,4% làm công nhân và 4% thoát ly buôn bán. Tỷ lệ mong muốn con gái làm ruộng tại địa phương là chỉ chiếm 1,1%, buôn bán tại địa phương là 1,1% và nghề khác tại địa phương là 6,3%. Như vậy không có khác biệt nào trong mong đợi của cha mẹ đối với con trai và con gái. Điểm đáng lưu ý mong đợi nghề nghiệp cho cả con trai và con gái sống và làm việc tại địa phương đều chưa đến 1/10 số người được hỏi. Một nửa số cha mẹ mong đợi con thoát ly làm việc trong lĩnh vực nghề nghiệp là cán bộ, viên chức có nghĩa là đồng thời cha mẹ ít nhiều phải có những nỗ lực, đầu tư nhiều hơn so với nhóm mong đợi con trai, con gái làm trong lĩnh vực nghề nghiệp khác.

Mong đợi về học vấn của cha mẹ phần nào thể hiện qua việc đầu tư giáo dục, nhưng sự lựa chọn đầu tư của hộ gia đình ở nông thôn đối với việc học của con phụ thuộc vào nhiều yếu tố mà trong đó tùy vào “sức học của con”. Liệu đây có phải là một sự lựa chọn duy lý, bởi đa số các ý kiến được hỏi đều nhấn mạnh đến “sự đầu tư cho đứa con sáng dạ, học tốt”. Người dân cho rằng việc mong đợi con học đỗ đạt là điều không thực tế, theo họ, hiện nay xã hội hiện có nhiều các trường đào tạo như trung cấp, cao đẳng và đại học. Sự thành đạt/đỗ đạt chỉ được coi là thuộc về học sinh có sức học xuất sắc hoặc đạt được thành tích thủ khoa, số học sinh này là rất ít. Và vì vậy họ cũng hiểu rằng các cơ hội việc làm thường rộng mở cho các học sinh/sinh viên này, trong khi sức học của các em họ chỉ ở mức bình thường. Như vậy qua cách họ suy nghĩ về mong đợi việc đỗ đạt của con cái thể hiện/phản ánh suy nghĩ thực tế, có phần mang tính duy lý của người dân nông thôn hiện nay.

*“Xuất phát từ mong muốn con cái trưởng thành, hơn nữa ở nông thôn thu nhập kém, thuần nông nên mong muốn thoát ly. (Nam, hộ khá, có 2 con đang đi học)*

“Việc học đỗ đạt hầu như không ai không mong muốn, vì trình độ con cái cũng khó. Ví dụ, con cái đầu tư học hết cấp III, đi học chuyên nghiệp, mà các trường chuyên nghiệp mở nhiều hiện nay thì khó có cơ hội việc làm, vì học có trình độ khác nhau. Ví dụ chỉ có thủ khoa ở khóa đấy được xã hội chấp nhận hơn còn so với các cháu học bình thường thì cơ hội cũng vừa phải thôi” (PVS nam hộ dưới trung bình, có 3 con đang đi học)

## 2.2. Đầu tư cho giáo dục

### Quan niệm của người dân về đầu tư giáo dục và việc học thêm

Giáo dục ở Việt Nam luôn luôn được coi trọng cho dù có những thời kỳ giáo dục bị suy giảm bởi nhiều lý do như cơ chế, do nạn thất nghiệp... Nhưng mong đợi về học vấn cũng như định hướng đầu tư cho con học tập vẫn là ưu tiên của hộ gia đình nông thôn. Có nhiều lý do cho việc ưu tiên cho học vấn của con. Đối với người dân ở vùng nông thôn, học vấn là một trong những cách để thoát khỏi đói nghèo, là con đường giúp cho con cái họ có kiến thức để có một nghề nghiệp tốt thoát ly với nghề làm nông hoặc có kiến thức để sử dụng nó như một hàng trang vào cuộc sống, đảm bảo một cuộc sống tốt. Họ còn cho rằng đã đầu tư là gắn với kết quả cụ thể, vì vậy đầu tư vào giáo dục cho con cái đó là sự đầu tư về kiến thức cho cuộc sống tương lai sau này của con. Quan niệm này ở cả hộ gia đình có con hiện đang đi học, có con đã nghỉ học.

“Đầu tư để mai sau cho con tiến bộ hơn cha mẹ” (PVS nam 33 tuổi, hộ nghèo, nông nghiệp).

“Việc đầu tư giáo dục cho con cái thì mình đã xác định là để con ra thì chủ yếu tập trung đầu tư cho con để sau này nó thành đạt, không vất vả như bố mẹ”. (PVS nữ, 34 tuổi, nông nghiệp).

“Đầu tư có lãi thì ai cũng mong, bởi lẽ đầu tư về kiến thức là vô cùng, ví dụ có trường hợp ở đây có đi học hết cấp III, cũng qua trường lớp rồi lại quay về làm nông nghiệp, vậy thì có lãi gì không, chẳng qua là có lãi về kiến thức để làm việc bất cứ chỗ nào, còn nói thật về nói có lãi về kinh tế thì không dám nói, vì bố mẹ học cấp II kiến thức nó chỉ có thể, nhưng con học hết cấp III thì chắc chắn kiến thức nó sẽ khác, và nếu đầu tư vào chuyên nghiệp thì kiến thức nó phải có hơn. Kiến thức sử dụng vào công việc” (PVS nam, hộ khá có 2 con đang đi học).

Theo đó sự đầu tư về giáo dục của người dân ở nông thôn được xác định ở cả hai khía cạnh về thời gian cho con học tập và về mặt kinh phí. Và quan niệm đầu tư cho giáo dục được xác định rất rõ ràng đó là chỉ dành cho con đi học ở trường công.

“Muốn đi học phải đầu tư, đầu tư thì phải có tiền bạc vì viết nhiều thì tặng vở, tham nhiều kiến thức thì tặng tiền mua sách. (Nam hộ dưới trung bình, có 3 con đang đi học)

“Đầu tư tức là xác định cho các về thời gian và kinh phí. Đầu tư cho giáo dục có nghĩa là phải thi đỗ chính thức, tức là vào được công lập. Bán công và bỏ tức là không được. Thực tế ở nông thôn quỹ thời gian rất nhiều, tuy là vất vả, thời gian bận rộn chủ yếu là vào ngày mùa là xác định đầu tư thôi chứ còn tháng 3 ngày 8 thì rồi từ tháng 4, 5, 6 và tháng 8, 9, 10 phải lao động, giúp được việc gì tốt việc đấy không quan trọng, như vậy quỹ thời gian là 50/50. (PVS nam, hộ trung bình, có 3 con đang đi học).

Tuy nhiên, cách thức đầu tư có sự khác nhau, có người thì cho rằng sự chuẩn bị đầu tư nên bắt đầu từ các cấp học phổ thông nhưng cũng có ý kiến cho rằng sự đầu tư nên bắt đầu từ cấp II, đặc biệt là khi con vào học chuyên nghiệp.

*“Luôn luôn xác định đầu tư cho con ăn học, có giai đoạn đầu tư. Sự chuẩn bị cho ăn học vì hiện nay công nghiệp hóa về địa phương, có thể thoát ly tại địa phương ví dụ có máy gặt đập liên hoàn, thế hệ trẻ không học kiến thức về ngành nghề, sẽ thất nghiệp, cắt tay.... Sự chuẩn bị đầu tư: cấp I và cấp II là tối thiểu, đầu tư bắt đầu từ cấp II, và đầu tư thực sự là khi các cháu học chuyên nghiệp” (Nam, hộ dưới trung bình, có 3 con đang đi học)*

Quan niệm về việc học thêm: Hầu hết người dân được hỏi đều cho rằng việc học thêm là việc cần thiết để bổ sung kiến thức và cũng là một cách học thêm ở nhà là quan điểm của hầu hết các bậc cha mẹ thu được từ các thông tin định tính. Việc khuyến khích và tạo điều kiện cho các cháu đi học thêm một phần được xuất phát từ lý do cha mẹ không có khả năng giúp cho con học thêm ở nhà, vì vậy việc học thêm là một trong những hình thức học ở nhà

Hoặc coi “Học thêm là để bổ sung kiến thức, kỹ năng, nếu cháu có thái độ miễn cưỡng là gia đình có thái độ dứt khoát trong việc cần phải học thêm” (PVS nam hộ dưới trung bình).

#### ***Tình hình về việc đầu tư chi phí cho giáo dục***

Trong cuộc điều tra ở xã Trịnh Xá có tổng số 302 trường hợp thì chỉ có 189 trường hợp (62,5%) hiện đang có con/cháu đang trong độ tuổi đi học (từ 6 đến 18 tuổi). Ở những hộ gia đình hiện có con hoặc cháu đang đi học, việc đầu tư giáo dục cho con thể hiện qua các hoạt động như: đầu tư thời gian và trí tuệ (qua việc cha/mẹ tham gia họp phụ huynh và giúp con học thêm ở nhà); đầu tư bằng tiền cho việc học của người con lớn nhất và cho con học thêm; và các hình thức khác.

#### ***Đầu tư về thời gian và trí tuệ:***

Hầu hết các gia đình có quan tâm đến việc đi họp phụ huynh cho con cái. Ví dụ chỉ có 4,8% cho biết họ chưa bao giờ đi họp còn lại 68,6% người trả lời cho biết thường xuyên đi họp phụ huynh, 16,5% chỉ ở mức thỉnh thoảng, 10,1% cho biết ít khi. Việc đi họp phụ huynh chủ yếu là do người vợ đảm nhiệm (19,1% so với 69.1%), tỷ lệ cả vợ và chồng chiếm 6.9%; 4,8% là do bố mẹ vợ/chồng, anh em trai hoặc chị em gái người họ hàng, và người khác đảm nhiệm.

Có gần một nửa người trả lời cho biết họ thường xuyên giúp con học thêm ở nhà (48,9%), 22,6% ở mức thỉnh thoảng và 10,8% ở mức ít khi và 17,7% chưa bao giờ. 51,7% người trả lời cho biết đây là công việc do người vợ đảm nhiệm và có 2,3% anh chị em giúp con học. Tuy nhiên hầu hết trường hợp được phỏng vấn đều cho rằng vì hạn chế về kiến thức nên bản thân họ không thể đảm nhiệm được việc kèm con học thêm ở nhà. Giải pháp chủ yếu là cho con đi học thêm ở trường hoặc các anh chị em kèm cặp lẫn nhau.

*“Việc đi họp phụ huynh cho các cháu có thể là vợ hoặc chồng là thường xuyên. Việc đi họp phụ huynh thể hiện cho các là bố mẹ quan tâm, đi họp để biết về nội dung hoạt*

*động của nhà trường và ở lớp. Việc cha mẹ kèm dạy thêm ở nhà không có, chỉ có chị kèm em học' (PVS nam, hộ trung bình, có 3 con đang đi học).*

Đánh giá về sự quan tâm của bậc cha mẹ đối với việc học tập của con hiện nay, ý kiến của một nữ giáo viên cấp II cho rằng:

*Cha mẹ hiện nay tương đối quan tâm đến việc học tập của con, chỉ có một số gia đình không quan tâm lắm. Họ bắt đầu tạo điều kiện thuận lợi cho con đi học và đầu tư sách vở. Hầu hết đều đi họp phụ huynh cho con, không có ai vắng mặt. Ngoài ra việc tạo điều kiện bao gồm: tạo điều kiện về mặt thời gian. Hoặc là cho đi học thêm, hoặc có hoạt động nào, như ngoại khóa thì cũng cho các em tham gia vào các hoạt động nhà trường.*

Như vậy, kết quả từ điều tra này cho thấy chỉ có một tỷ lệ nhỏ (4,8%) cho biết việc đi họp phụ huynh cho con/cháu là do bố mẹ vợ/chồng, anh em trai hoặc chị em gái đảm nhiệm, người họ hàng, số còn lại hoặc là cả hai vợ chồng, hoặc là vợ, hoặc do người chồng đảm nhiệm. Hoặc với con số gần 1/2 số cha mẹ cho biết họ thường xuyên giúp con học thêm ở nhà phần nào thể hiện sự quan tâm của gia đình đối với thông tin về học lực của con ở trường cũng như những nỗ lực trong việc kèm cặp con học ở nhà. Kết quả cũng cho thấy vai trò của người mẹ đảm nhiệm việc đi họp phụ huynh và giúp con học thêm cao hơn từ 2 đến 3 lần so với người cha trong gia đình. Đa số ý kiến các bậc cha mẹ đều cho rằng việc đi họp phụ huynh cho các cháu có thể là vợ hoặc chồng là thường xuyên. Tuy nhiên việc cha mẹ kèm con học ở nhà thì hầu hết đều cho rằng do khả năng về học vấn hạn chế nên để con đi học thêm ở trường hoặc một vài gia đình có các anh chị kèm cho em học.

#### ***Đầu tư về tiền bạc:***

Về tổng chi tiêu của hộ gia đình trong 12 tháng qua trong mẫu điều tra ở Trịnh Xá: Hộ có mức chi thấp nhất là 1.650.000 đồng, cao nhất là 171.640.000 đồng/năm. Trong đó có 24,8% không có chi tiêu cho giáo dục. Còn lại ước tính chi phí cho giáo dục của hộ gia đình nói chung trong 12 tháng qua là: Hộ gia đình có mức chi thấp nhất là 123.000 đồng/năm và cao nhất là 35.000.000 đồng/năm.

Xem xét tỷ trọng chi trong tổng chi tiêu của hộ gia đình cho thấy, ngoài các trường hợp không chi tiêu cho giáo dục, tỷ lệ trung bình chi tiêu cho giáo dục trên tổng chi tiêu của hộ gia đình trong 12 tháng chiếm 13,98%. Hộ có tỷ trọng chi cho giáo dục/tổng chi tiêu của gia đình thấp nhất là 0,31% và hộ có tỷ trọng chi cao nhất là 74,6%. Tuy nhiên đây là những hộ chỉ cá biệt. Tỷ lệ hộ gia đình chi từ 5% trở xuống chiếm 34,8%; từ 6-10% chiếm 26,43% và tỷ lệ hộ từ 10-20% là 18,94%, 20-50% là 14,1% và từ 50%-75% là 5,73%.

Mức chi trung bình cho giáo dục nói chung của cả hộ gia đình trong 12 tháng qua là 4.154.290 đồng. Nếu xem xét mức chi giáo dục chung trong số 8 khoản chi của 227 hộ gia đình như sửa chữa nhà cửa, ăn uống, đầu tư sản xuất và mua sắm đồ dùng gia đình, đầu tư sản xuất, Y tế và chăm sóc sức khỏe, may mặc và đóng góp cộng đồng cho thấy, đại đa số hộ gia đình (93%) có mức chi cho giáo dục đứng thứ 3/8 khoản chi (chỉ đứng sau 2 khoản chi là ăn uống, đầu tư sản xuất); 5,3% đứng thứ 4 (chỉ đứng sau 3 khoản chi ăn uống, chi cho đầu tư sản xuất và sửa chữa nhà cửa). 3 hộ còn lại có mức chi chiếm nhiều

nhất hoặc đứng thứ hai.

Những chi phí này có thể chiếm tới 1/3 hoặc tới 2/3 tổng chi tiêu của hộ gia đình và trở thành gánh nặng của gia đình nghèo nhất. Hộ gia đình nghèo thường phân bổ chi tiêu cho giáo dục nhiều hơn gia đình khá giả. Hai trường hợp sau đây sẽ cho thấy điều này.

#### Trường hợp 1: Chi phí cho học tập của một hộ gia đình dưới trung bình

Gia đình hiện có 4 con. Con gái lớn học đến lớp 9, hiện đã lấy chồng, lý do bỏ học là vào thời điểm đó gia đình vay mượn làm nhà nên cháu tự nguyện bỏ học để giúp bố mẹ kiếm tiền. Con gái thứ hai, đã học hết 12 hiện đang học Cao đẳng kế toán tài chính ở Hà Nội. Con gái thứ 3 đang học lớp 12 và con trai út hiện đang học lớp 8.

Hiện gia đình làm nông nghiệp là chủ yếu, có 1,5 mẫu ruộng, bản thân cũng tham gia công tác xã hội, được 300000đ/tháng, vợ có đi buôn bán nhỏ. Thu nhập của gia đình khoảng hơn 10 triệu/năm trong khi chi tiêu của cả hộ gấp khoảng gần 2 lần thu nhập (25 triệu). Mỗi năm gia đình chỉ cho giáo dục cho 3 con đi học khoảng 20 triệu, chiếm 70% tổng chi tiêu của gia đình, bao gồm tiền học cho con học cao đẳng là 1,3 triệu/tháng, khoảng 12, 13 triệu/năm; 2 con học phổ thông là khoảng 7-8 triệu/năm. Do thu nhập ít không đủ trang trải, nên cách thức mà hộ gia đình tiết kiệm tiền bằng việc hạn chế chi tiêu (ví dụ hạn chế mua sắm các đồ dùng như tủ lạnh, lát lại nhà, làm cửa sắt, chỉ chi tiêu những khoản tối thiểu phải dùng đến) và vay mượn (khoản tiền vay cho con lớn đi học đại học là 8 triệu vay của nhà nước được 2 năm, lãi suất là 0,05%/tháng).

#### Trường hợp 2: Chi phí cho học tập của một hộ gia đình khá giả

Chi tiêu chung cho 2 cháu chiếm 1/3 trong tổng chi tiêu gia đình, và 30% tổng thu nhập. Nhưng chi tiêu cho giáo dục là cao nhất, sau đó là các khoản chi tiêu cho các quan hệ xã hội. Nhìn chung học phí đều tăng, ví dụ cháu học cao đẳng xa nhà phải trả tiền thuê trọ, học phí cao hơn, quỹ cha mẹ học sinh.. Cháu học cấp III, học phí không nhiều nhưng học ngoại khóa, năm nay mới tạm thu nhưng đã cao gấp 2-3 lần năm ngoái. Học chính khóa trước là 22 nghìn đ/tháng cộng với tiền học thêm ở nhà trường tuần 3 buổi, mỗi buổi 8-10 nghìn đồng, và khoảng 200000 học nâng cao, học thêm về kiến thức.

### 3. Một vài nhận xét

Từ các phân tích trên cho phép đưa ra một số kết luận về việc đầu tư cho giáo dục của cha mẹ đối với con cái ở địa bàn nghiên cứu như sau:

Các bậc cha mẹ đã thể hiện sự quan tâm đối với thông tin về học lực của con ở trường cũng như những nỗ lực nhằm trong việc kèm cặp con học ở nhà. Ngoại trừ tỷ lệ nhỏ các gia đình nhờ người khác đi học phụ huynh còn phần lớn là cha, mẹ hoặc cả cha và mẹ đảm nhiệm. Người mẹ đảm nhiệm việc đi học phụ huynh và giúp con học thêm cao hơn từ 2 đến 3 lần so với người cha trong gia đình.

Chi cho giáo dục là một trong những khoản chi lớn của hộ gia đình ở nông thôn. Tỷ trọng chi phí cho giáo dục nói chung trong 12 tháng qua trong tổng chi tiêu của hộ gia

đình trung bình chiếm 13,98%. Đa đa số các hộ gia đình có mức chi cho giáo dục đứng thứ 3 trong 8 khoản chi của gia đình (chỉ đứng sau ăn uống và đầu tư sản xuất). Trung bình hộ gia đình phải chi cho người con lớn nhất hiện đang đi học là 1.372.000 đồng. Số tiền trung bình mà hộ gia đình chi cho con học thêm cao hơn so với số tiền chi cho học phí và đồ dùng sách vở và xây dựng trường sở. Hộ nghèo thường phân bổ chi tiêu cho giáo dục nhiều hơn gia đình khá giả.

Bên cạnh đó vấn đề học thêm của trẻ em đang là vấn đề còn nhiều tranh cãi, song kết quả cho thấy hơn 2/3 người trả lời cho biết có cho con học thêm. Khoảng 1/3 người hiện không cho con học thêm. Các số liệu về các chi phí cho việc học thêm của con cái phản ánh một sự lựa chọn có chủ ý của hộ gia đình dành cho học vấn của con cái mà mục đích chủ yếu là mong muốn tương lai của con cái sẽ tốt hơn. Nó gắn với mong đợi của cha mẹ là con cái học cao có nghề nghiệp thoát ly khỏi nông nghiệp (một nửa số cha mẹ mong đợi con thoát ly làm việc trong lĩnh vực nghề nghiệp là cán bộ, viên chức). Điều này đồng nghĩa với cha mẹ thuộc nhóm này cũng phải có những nỗ lực, đầu tư nhiều hơn so với nhóm mong đợi con cái làm trong lĩnh vực nghề nghiệp khác.

Có sự khác biệt khi xem xét trong tương quan giữa kinh tế hộ gia đình, học vấn, nghề nghiệp của của người trả lời, cũng như số con của hộ gia đình. Gia đình có mức sống khá, có học vấn càng cao, làm trong lĩnh vực không phải lâm, nông, ngư và có số con càng ít thì có mức chi phí trung bình cho giáo dục càng cao.

Cho dù đây chỉ là một nghiên cứu ở một xã thuộc vùng đồng bằng Bắc bộ, nhưng kết quả từ nghiên cứu này cho thấy giáo dục là một vấn đề quan trọng ở Việt Nam và học vấn của con cái là một trong những mối quan tâm hàng đầu của cha mẹ cho dù ở thành thị hay ở nông thôn. Việc đi học của trẻ em nói chung và việc đầu tư cho giáo dục của con cái nói riêng cũng chịu tác động bởi nhiều yếu tố, trong đó có các yếu tố từ hoàn cảnh gia đình, nghề nghiệp và học vấn cha mẹ đang tạo ra những khác biệt trong mức độ đầu tư cả về vật chất và tinh thần giữa những hộ gia đình có mức sống khác nhau.

Sự khác biệt này thể hiện các bất bình đẳng cơ hội mà các nhóm xã hội đang phải đối mặt, mà cụ thể là khả năng tiếp cận các cơ hội giáo dục. Bởi chính sách giáo dục những năm gần đây thực hiện theo hướng kết hợp giữa bao cấp và thu một phần chi phí, cho dù mức học phí này là không lớn và đảm bảo phù hợp với khả năng chi trả của mọi hộ gia đình. Tuy nhiên học phí chỉ là một phần trong toàn bộ mức chi phí mà hộ gia đình phải chi trả để con em họ đến trường. Toàn bộ các chi phí khác lớn hơn nhiều lần so với học phí chính thức. Và sự khác biệt về chi phí đi học thể hiện rõ rệt nhất ở những bậc học cao hơn đã gợi ra rằng nếu coi giáo dục là vấn đề then chốt thì mọi chính sách liên quan đến giáo dục cần quan tâm đến sự khác biệt của các nhóm trẻ thuộc các nhóm xã hội khác nhau, đặc biệt là ở vùng nông thôn, vùng sâu và vùng dân tộc thiểu số.

**Tài liệu tham khảo**

1. Hoàng Gia Trang (2001). *Thực trạng tiếp cận giáo dục của trẻ em gái nông thôn* (Qua một số điểm nghiên cứu ở Vĩnh Phúc). Tạp chí Khoa học về Phụ nữ, số 5/2001, tr 29-37.
2. Đỗ Thị Bình, Lê Ngọc Văn, Nguyễn Linh Khiếu (2002). *Gia đình Việt Nam và người phụ nữ trong gia đình thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Trung tâm NCKH về Gia đình và Phụ nữ. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội. 238 tr.
3. Võ Thanh Sơn và cộng sự (2001). *Đi học và bỏ học ở học sinh*. Trong “Mức sống trong thời kỳ bùng nổ kinh tế Việt Nam” do Dominique Haughton, Jonathan Haughton, Nguyễn Phong biên tập. UNDP Hà Nội, Nxb. Thống kê, tr. 177-192.
4. Ngân hàng Thế giới (1995). *Những ưu tiên và chiến lược cho giáo dục* (Nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới). Ngân hàng Thế giới, 197 tr.
5. Tổng cục thống kê (2007). *Kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2006*. Result of the Viet Nam Household living standards survey 2006. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2007.
6. Phạm Thị Vân (2007). *Đầu tư của các gia đình cho giáo dục con cái*. Trong “*Kết quả nghiên cứu khảo sát tại Yên Bái năm 2004*”. Kỷ yếu khoa học. Chương trình hợp tác nghiên cứu Việt Nam – Thụy Điển 2004-2007.
7. Đặng Bích Thuỷ (2007). *Vai trò của gia đình trong đời sống học tập của trẻ nông thôn miền núi qua khảo sát tại một xã ở Yên Bái*. Trong “*Kết quả nghiên cứu khảo sát tại Yên Bái năm 2004*”. Kỷ yếu khoa học. Chương trình hợp tác nghiên cứu Việt Nam – Thụy Điển 2004-2007.
8. Tổ chức Giáo dục, khoa học và Văn hoá của Liên Hợp Quốc (2008). *Giáo dục cho mọi người, mục tiêu có đạt được vào năm 2015?* Báo cáo giám sát toàn cầu về giáo dục cho mọi người 2008. Báo cáo tóm tắt.